

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2017

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Anh.
2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017; về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt chị N. Vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2017, bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị N trình bày: Chị và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp, bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế, anh T không chịu khó làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình nên hai bên dẫn đến việc cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay. Chị N xác định mâu thuẫn

vợ chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung tên Trần Minh Nhật L, sinh ngày 29/8/2016. Từ ngày sống ly thân đến nay, về con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ nần của ai nên không tranh chấp.

Tại bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đầu lập ngày 29/5/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Minh T trình bày: Về thời gian kết hôn như chị Đào Thị N trình bày là đúng. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc nên phát sinh việc cãi vã lẫn nhau. Từ đó, chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay chị N có yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Nhật L, sinh ngày 29/8/2016. Từ ngày sống ly thân đến nay thì cháu L do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị N đồng ý giao con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Trần Minh T nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp,

được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị N có yêu cầu ly hôn anh T, thấy rằng: Anh chị chung sống với nhau trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc nên xảy ra việc cãi vã lẫn nhau. Cuộc sống chung của anh chị là không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì cuộc hôn nhân này cũng không có lợi cho hai bên. Anh T chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị N phải giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Qua lời khai của anh T đã cho thấy tình cảm giữa vợ chồng là không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Hơn nữa, anh chị có khoảng thời gian dài sống ly thân. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Minh Nhật L, nhưng cháu L còn nhỏ, chỉ mới 12 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị là người có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt và có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu L cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp pháp luật. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không phải xem xét. Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nếu có yêu cầu.

[3] Chị N khai, vợ chồng không có tài sản chung và không tranh chấp nên không phải xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N là người khởi kiện ly hôn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST theo luật định, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về hôn nhân: Chị Đào Thị N ly hôn anh Trần Minh T.

2/ Về con chung: Giao cho chị Đào Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Minh Nhật L, sinh ngày 29/8/2016. Anh

Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012984 ngày 15/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị N đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Về quyền kháng cáo: *Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.*

5/ *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Thuận